

KHẢO SÁT CÂU NGẮN TRONG TÁC PHẨM CỦA NAM CAO

NGUYỄN THỊ HOA

(Cao học NN K15, ĐHSP Thái Nguyên)

1. Mở đầu

Nam Cao là một trong những nhà văn lớn nhất của nền văn học hiện đại Việt Nam. Với 15 năm cầm bút ông để lại cho độc giả một số lượng tác phẩm không nhiều, song với giá trị hiện thực sâu sắc, tư tưởng nhân đạo cao cả và vẻ đẹp nghệ thuật độc đáo, các tác phẩm của Nam Cao càng qua thời gian càng khẳng định vị trí trong lòng độc giả và người nghiên cứu nhiều thế hệ. Qua quá trình tìm hiểu những kiểu câu giàu màu sắc tu từ trong truyện ngắn Nam Cao như: câu nghi vấn - khẳng định, câu giảm lược thành phần, câu lặp..., chúng tôi nhận thấy ông đặc biệt có sở trường viết những câu văn ngắn. Sự xuất hiện của những câu văn ngắn trong tổ chức lời văn của nhà văn này không phải là một hiện tượng cá biệt mà là thường xuyên và phổ biến.

Câu ngắn được xem xét theo hai góc độ. Xét ở góc độ cú pháp học, câu ngắn là câu chỉ có thành phần nòng cốt câu. Một câu có thể gồm một nòng cốt (câu đơn) hoặc nhiều nòng cốt (câu ghép). Xét ở góc độ phong cách học, câu ngắn là câu có số lượng tiếng ít, thường có kết cấu cú pháp đơn giản. Câu ngắn có khả năng diễn đạt một nội dung đơn giản, dễ hiểu, người đọc dễ tiếp thu hay cũng có thể diễn tả một sự việc xảy ra dồn dập nhanh chóng (1,219).

Việc sử dụng những câu ngắn trong sáng tác văn học không phải là một sự ngẫu nhiên mà là sự vận dụng có dụng ý để mang lại hiệu quả nghệ thuật. Tác giả Bùi Công Thuận trong "Phong cách truyện ngắn Nam Cao" cũng đề cập tới câu văn Nam Cao như sau: "Về mặt ngôn ngữ, Nam Cao thường viết những câu rất ngắn và cộc, dường như không thể rút ngắn hơn. Có thể coi kiểu câu ngắn cộc này là một trong

những đặc điểm của phong cách ngôn ngữ Nam Cao". Ở bài viết này chúng tôi đề cập tới một vài đặc điểm của câu văn ngắn trong một số truyện ngắn Nam Cao.

2. Đặc điểm của câu ngắn trong truyện ngắn Nam Cao

Trong số những kiểu câu giàu màu sắc tu từ trong truyện ngắn Nam Cao, có thể nói các câu ngắn được tác giả sử dụng với số lượng lớn. Chúng không chỉ được xuất hiện ở các đối thoại như ở các tác giả khác mà được xuất hiện một cách linh hoạt ngay trong mạch văn của Nam Cao, tạo nên thứ ngôn ngữ đa giọng điệu, một trong những yếu tố làm nên chất giọng riêng, phong cách ngôn ngữ riêng của Nam Cao.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tiến hành khảo sát lấy tư liệu qua 5 truyện ngắn tiêu biểu sau: *Đời thừa*, *Từ ngày mẹ chết*, *Lão Hạc*, *Dì Hảo*, *Chí Phèo*. Những câu ngắn trong phạm vi câu văn có độ dài từ 1 đến 9 âm tiết và tập trung vào hai loại: câu ngắn đầy đủ thành phần và câu ngắn có cấu trúc đặc biệt (một từ hoặc 1 cụm từ tạo nên). Kết quả thống kê như sau:

STT	Tên văn bản	Câu đầy đủ thành phần	Câu có cấu trúc đặc biệt
1	Lão Hạc	52	49
2	Chí Phèo	120	788
3	Dì Hảo	33	30
4	Đời thừa	78	66
5	Từ ngày mẹ chết	120	70
	Tổng số câu: 1989	419	387
	%	52%	48%

Kết quả khảo sát cho thấy câu ngắn xuất hiện

với số lượng nhiều trong văn Nam Cao, trong đó câu sử dụng độ dài từ 5 đến 7 âm tiết xuất hiện với tần số nhiều nhất: 5 âm tiết có 148/806 câu 6 âm tiết có 126/806 câu 7 âm tiết có 128/806 câu

Nhìn chung khảo sát các kiểu câu ngắn trong truyện ngắn Nam Cao có thể nhận thấy số lượng các câu ngắn xuất hiện với mật độ khá dày, làm cho mạch văn đi nhanh, đầy kịch tính. Dù viết về những hoàn cảnh, số phận đau thương thì những câu văn vẫn bị ngắt vụn ra. Vũ Tuấn Anh trong “Phong cách truyện ngắn Nam Cao” đã từng nhận xét rằng: “Câu văn Nam Cao cũng chỉ là thứ câu văn “bị xé nát” về ngữ điệu, chúng nhảm nhảm, đứt nối, cấn rứt, chĩ chiết, nghẹn ngào đầy kịch tính. Đó chính là cách lựa chọn cho mình một lối đi riêng để thể hiện quan điểm nghệ thuật của mình”. Qua phân tích kết quả khảo sát chúng tôi rút ra một số đặc điểm nổi bật của câu ngắn trong truyện ngắn Nam Cao như sau:

1. Câu ngắn diễn tả những sự việc xảy ra dồn dập, nhanh chóng.

Khác với Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố khi viết về người nông dân chỉ là sự quan sát và miêu tả nỗi thống khổ của họ, Nam Cao đã chọn cho mình một con đường riêng: ông đi vào phân tích sự bần cùng hóa của đời sống người nông dân cả về mặt nhân tính lẫn nhân cách. Và sau đó ông lí giải điều này bằng hành động nhân vật dựa trên phương diện tâm lí.

VD1:

“Hắn rút dao ra xông vào. Bá Kiến ngồi nhòm dấy. Chí Phèo đã văng dao tới rồi. Bá Kiến chỉ kịp kêu lên một tiếng. Chí Phèo vừa chém túi bụi vừa kêu làng thật to”.

(Chí Phèo)

Chí Phèo khi còn là một gã thanh niên cũng có rất nhiều hoài bão và mơ ước nhưng sự bần cùng hóa của đời sống nông thôn đã làm cho hắn trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại. Nhưng khi hắn hé nhìn thấy mình có thể làm lại cuộc đời, thì người ta đã từ chối không cho Chí Phèo quyền làm người, quyền sống lương thiện như mọi người. Nam Cao đã sử dụng những câu văn ngắn với tiết tấu nhanh, mạnh khiến cho chúng ta cảm nhận được sức mạnh căm thù tiềm tàng đáng sợ của người nông dân khi bị áp bức đến đường cùng.

VD2:

“Cả bọn cười ồm lên. Trông người nào cũng dữ. Họ nói như quát vậy. Ninh sợ hãi. Ninh chạy bình bịch sang nhà bác Vụ. Ninh định cầu cứu bác. Vừa bước vào nhà bác, Ninh sững sốt. Thầy Ninh đang ở đây. Thầy Ninh nằm thườn thượt trên một cái giường...Ninh méo mếu:

Thầy ơi! Thầy...

Rồi Ninh nghẹn ngào, không nói được nữa. Nước mắt ứa ra.”

(Từ ngày mẹ chết)

Đối với cô bé Ninh thời gian ngắn ba năm kể từ ngày mẹ chết là quãng thời gian nặng nề, dài đằng đặc, và không gì có thể bù đắp nổi. Khi miêu tả tâm trạng hoảng loạn của Ninh khi chứng kiến cảnh ghê rợn do bọn thợ dỡ nhà thực hiện, Nam Cao đã sử dụng những câu văn ngắn để khắc họa tính chất cấp bách, nghiêm trọng của sự việc.

Có thể nói những câu văn ngắn và cộc được Nam Cao sử dụng làm cho mạch văn đi nhanh, nhịp điệu dồn dập, sự việc như đang diễn ra ngay trước mắt người đọc, sôi động đầy kịch tính và rất nhiều tình tiết bất ngờ.

2.2. Câu ngắn diễn tả những cuộc đối thoại ngầm giữa ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật.

Trong truyện ngắn Nam Cao, ngôn ngữ thể hiện là sự đan xen nhiều tiếng nói: ngôn ngữ nhân vật, ngôn ngữ tác giả, ngôn ngữ nhân vật “tôi”...Giáo sư Nguyễn Văn Hạnh cho đó là “hiện tượng đa thanh”(2,41)

Trong sự phức hợp đa thanh ấy Nam Cao thường viết những câu ngắn để diễn tả cuộc đối thoại ngầm giữa ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật.

VD3:

“Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời (giọng người kể chuyện). Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? (giọng người vô hình làng Vũ Đại tranh luận với Chí Phèo). Rồi hắn chửi đời (giọng người kể chuyện). Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng cũng chẳng là ai (giọng người vô hình). Tức mình hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “chắc nó trù mình ra!” Không ai lên tiếng cả (giọng người kể chuyện). Tức thật! Ở thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! (giọng nhân vật

Chí Phèo). *Đã thế, hắn chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng không có ai ra điều (giọng người kể chuyện). Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không?* (giọng nhân vật Chí Phèo). *Thế thì có khổ hắn không?* (giọng người kể chuyện). *Không biết đứa chết mẹ nào để ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nổi này! A ha! Phải đấy, hắn cứ thế mà chửi. Hắn cứ chửi chết đứa mẹ nào để ra thân hắn, để ra cái thằng Chí Phèo!* (giọng người kể chuyện hòa lẫn giọng Chí Phèo). *Mà có trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết*” (giọng người kể chuyện).

Đó là đoạn văn mở đầu truyện ngắn *Chí Phèo*, một cuộc đối thoại ngầm giữa giọng của người kể chuyện, của Chí Phèo và của nhân vật vô hình là làng Vũ Đại. Tất cả đều được viết bằng những câu văn ngắn.

2.3. *Câu ngắn thể hiện chất giọng cảm thương, da diết trong ngôn ngữ người kể chuyện.*

Trong sự “đa thanh” của Nam Cao ta còn bắt gặp lối kể chuyện bằng nhiều chất giọng: hài hước, mỉa mai, cảm thương ... Mỗi một nhân vật, mỗi một số phận đều được ông nhìn nhận dưới rất nhiều góc độ khác nhau. Chính vì thế ngôn ngữ người kể chuyện trong văn Nam Cao rất đa sắc màu. Những câu chuyện tưởng chừng như rất vụn vặt, không đáng nói như: tiền gạo, tiền thuốc..., nhưng càng đọc, càng ngẫm nghĩ càng nhận sâu sắc hơn rằng hơi thở của cuộc sống đã đi vào từng trang văn, mà không hề đem lại cảm giác nhàm chán cho người đọc:

VD4:

“Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão. Lão chỉ có một mình nó để làm khuây. Vợ lão chết rồi. Con lão đi bần bật. Già rồi mà ngày cũng như đêm, chỉ thui thủi một mình thì ai mà chẳng phải buồn”

(Lão Hạc)

VD5:

“Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiêng chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mắt dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên... Dì sổ ra nước mắt.”

Sử dụng những câu văn ngắn thường làm cho giọng văn đanh lại, lạnh lùng, và dễ tưởng như Nam Cao là con người khô khan, phán xét vấn đề bằng suy luận lí trí ngay cả khi viết về nỗi đau

thương hay tình cảm sâu nặng. Nhưng thực ra đó là cách thể hiện riêng mà Nam Cao dành cho những cuộc đời nghèo khổ và bất hạnh. Có thể nói cuộc đời của lão Hạc, dì Hảo là cuộc đời của những số phận cô đơn. Họ là những con người hiền lành, chất phác, nhưng cuộc sống quá vất vả, khổ cực. Và Nam Cao đã hướng ngòi bút của mình đến những số phận bất hạnh của họ, đó là: những người già không nơi nương tựa, những người đàn bà không biết đến hạnh phúc lứa đôi, những em bé mồ côi... để người đọc nhìn thấy được bản tính tốt đẹp của con người nhưng do hoàn cảnh, sự nghèo đói che khuất đi... bằng những câu văn có vẻ “lạnh lùng” như thế.

Như vậy, nhờ việc sử dụng những câu văn ngắn thông qua giọng văn người kể chuyện khiến cảm xúc của nhân vật bị dồn nén, và đọng lại trong lòng người đọc là sự xót xa, thương cảm đối với những con người bất hạnh ấy.

4. *Câu ngắn thể hiện tính hiện đại trong phong cách ngôn ngữ Nam Cao.*

Có thể nói rằng kiểu câu ngắn trong văn Nam Cao mang tính hiện đại. Đó là “thứ văn nói không có mùi vị sách vở nào, đang diễn ra ngoài đời, không hề cũ” (3,84). Đó là cách hành văn của truyện ngắn hiện đại hôm nay.

VD6:

“- Thấy Chí Phèo không nhức nhích, cụ tiếp luôn:

Nào đứng lên. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì ta nói chuyện tử tế với nhau. Cần gì mà phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.”

(Chí Phèo)

Là người đến sau trong số những nhà văn hiện thực lúc bấy giờ như Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, nhưng ngôn ngữ của Nam Cao vẫn mang một giọng điệu riêng không thể trộn lẫn, ngôn ngữ nhân vật người nào thì giọng người nấy không ai giống ai. Nếu tính ngược thời gian trước khoảng trên dưới mười lăm năm để so sánh với văn Hồ Biểu Chánh, Tô Tâm..., chúng ta sẽ thấy đó là cả một khoảng cách.

Câu văn ngắn của Nam Cao khác hẳn thứ văn dài dòng và sang trọng, kiểu cách, làm đáng làm duyên của loại văn chương phòng khách của Tự Lực Văn Đoàn:

(xem tiếp trang 25)

giả ưa dùng nhất là hai kiểu so sánh: $A + tss + B$, $A + x + tss + B$.

Tìm hiểu về phép so sánh giúp ta tiếp cận được một cách chân thực “điệu tâm hồn” của nhà thơ ở những khía cạnh khác nhau. Điều đáng lưu ý của so sánh trong thơ Xuân Quỳnh là cái được so sánh trong tương quan với cái so sánh là những sự vật bình thường của thế giới khách quan, không nằm trong chuẩn mực sẵn có. Trong thơ, tác giả đã sáng tạo ra những chuẩn mực mới, khám phá mới nhờ sự liên tưởng từ các sự vật quen thuộc xung quanh mình. Nhà thơ đã thổi hồn vào chúng, khiến chúng trở nên sống động trong những cấu trúc so sánh của mình. Từ đó, có thể thấy được nét phong cách riêng của Xuân Quỳnh, đó là sự thể hiện cái tôi trữ tình mộc mạc bình dị, yêu đắm say, nồng nàn với nhiều xúc cảm suy tư. Bằng so sánh, tác giả cũng đã đến được với trái tim trẻ thơ, với những câu hỏi tò mò các em thường thắc mắc và những lí giải hết sức hồn nhiên, ngộ nghĩnh, ngây thơ dưới cái nhìn của con trẻ.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Phan Cảnh (2006), *Ngôn ngữ thơ*, Nxb VH, H.
2. Đinh Trọng Lạc (1998), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb GD, H.
3. Nguyễn Thế Lịch (1988), *Các yếu tố và cấu trúc so sánh nghệ thuật tiếng Việt*, số phụ của Tc. Ngôn ngữ, số 1.
4. Hoàng Kim Ngọc (2001), *So sánh và các phương tiện ngôn ngữ biểu hiện quan hệ so sánh trong ca dao – tục ngữ Việt Nam*, Kỷ yếu Ngữ học trẻ, H.
5. Lưu Khánh Thơ, Đông Mai (2003), *Xuân Quỳnh – Cuộc đời và tác phẩm*, Nxb Phụ nữ, H.
6. Cù Đình Tú (1983), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb ĐH&THCN, H.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 17-04-2008)

(*Khảo sát câu ngắn... tiếp theo trang 39*)

VD7:

“Nghĩa là suốt đời, tôi không lấy ai, chỉ sống trong cái thế giới mộng ảo của ái tình lí tưởng, của ái tình bất vong bất diệt.”

(*Hồn bướm mơ tiên*)

Cũng không giống câu văn nhiều mệnh đề phụ mà trau chuốt của Nguyễn Tuân.

VD8:

“Nước con xuôi loanh quanh ở tỉnh lỵ Sơn La, qua bản Giàng, chạy qua bản Cọ, chạy qua Mường La, đến chỗ chân đèo Khan Phạ thì rút vào bí mật, nó chui vào lòng đá núi rồi lại xuất hiện ở phía bên kia chân đèo liên tiếp năm cái dốc ngoặt chữ chi gấp góc”

(*Người lái đò sông Đà*)

3. Kết luận

Bước vào thế giới ngôn ngữ Nam Cao, ta như bước vào một thế giới khác hẳn: đó là thế giới của sự súc tích và hiện đại. Sử dụng những câu văn ngắn, mạch văn Nam Cao không hề bị đứt quãng, rời rạc, thiếu logic. Ngược lại, đó là thứ ngôn ngữ cực kì sống động, đi thẳng vào cốt lõi của sự thật khiến cho nó luôn tạo ra được sự hấp dẫn đối với nhiều thế hệ người đọc.

Kiểu câu văn ngắn, cộc là một là một đặc điểm phong cách ngôn ngữ Nam Cao. Chúng có vai trò dồn nén lượng thông tin lớn, phản ánh hiện thực khốc liệt, bức bối của xã hội thời đó, giàu sức biểu đạt và tính biểu cảm. Đồng thời, đó cũng là kiểu câu mang tính hiện đại, nên có thể nói rằng chính những câu văn ngắn này làm nên chất giọng riêng của Nam Cao.

Tài liệu tham khảo

1. Cù Đình Tú, Lê Anh Hiền, Nguyễn Thái Hòa, Võ Bình, *Phong cách học tiếng Việt*, NxbGD, 1982.
2. Nguyễn Văn Hạnh, *Nam Cao một đời người, một đời văn*, NXBGD, H, 1993.
3. Nguyễn Minh Thuyết, *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb ĐHQG.
4. Phương Ngân (tuyển chọn và biên soạn), *Nam Cao nhà văn hiện thực xuất sắc*, Nxb VH, H, 2003.
5. *Truyện ngắn Nam Cao*, Nxb VH, H, 2003.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 14-07-2009)